

ようこそ
かながわの中学校へ

Chào mừng đến với Trường Trung học cơ sở tại Kanagawa

神奈川県の子校の一般的なことを書いたガイドブックです。
地域・学校によって違うところもあるので、くわしいことは
市町村教育委員会や学校に確認してください。

Sách hướng dẫn này giới thiệu thông tin chung về các trường học ở Tỉnh Kanagawa.
Nội dung thông tin có thể khác nhau tùy theo khu vực và trường học, vui lòng xác
nhận với Hội đồng giáo dục hoặc trường học thành phố của bạn.



NPO 法人 ABC ジャパン

はじめに

日本の学校は、みなさんの国の学校とは、ルールや学校生活、勉強の仕方などがちがうかもしれません。そのため疑問に思ったり、不安に感じたりすることもあると思います。

このガイドブックでは、初めて日本の中学校に入る子どもと保護者のために、日本の教育システムや勉強の内容、行事などについて、わかりやすく説明しました。もしわからないことがあったら、何でも先生に聞いてみてください。

みなさんの暮らす神奈川県かながわけんの学校では、すべての人がいろいろなあり方を認め合い、大切にし、支え合っていくための環境づくりをしています。その中で、外国につながるある子どもの教育への指導・サポートをしています。

子どもたちが、神奈川県かながわけんの学校で、安心して楽しい学校生活がっこうせいかつが送れることを願って、このガイドブックを作成しました。

もくじ

1. 日本の学校 <small>がっこう</small> （教育システム・学校に入るには・障がいのある子ども・学習のサポート）	1
2. 中学校の1年間 <small>ちゅうがっこう</small> （行事・学期）	2
3. 行事の紹介 <small>ぎょうじ</small> （始業式～卒業式など）	3
4. 中学校の1日 <small>ちゅうがっこう</small> （登校・学活・授業・そうじ・部活動など）	4
5. 部活動・委員会 <small>ぶかつどう</small> （部活動、委員会の例・活動日など）	5
6. 教科と成績 <small>きょうか</small> （授業について・成績について）	6
7. 入学の準備 <small>にゅうがく</small> （制服・体育用の服装・靴など）	7
8. 欠席・遅刻・早退・体育の見学 <small>けつせき</small> （伝え方・理由・保健室）	8
9. 保護者のかたへ <small>ほごしや</small> （学校で必要なお金・授業参観・学級懇談会・家庭訪問・面談・PTAなど）	9
10. 日本の学校のルール <small>にほん</small> （学校のきまり・習慣・学ぶこと・そうじ・時間を守るなど）	10
11. 保護者に気をつけてほしいこと <small>ほごしや</small> （話を聞く・勉強を子ども任せにしないなど）	11
12. 中学校卒業後の進路について <small>ちゅうがっこうそつぎょう</small> （進学・就職・三者面談）	12
13. 高校について <small>こうこう</small> （高校の種類・学科・受験料・高校の費用）	13
14. 高校入試について <small>こうこうにゅうし</small> （高校に入るためには・外国につながる子どもの受験）	14
15. 相談できる機関 <small>そうだん</small>	15

※小学生版のガイドブックもあります。
※HPからダウンロードすることができます。

本文中に*マークがついている言葉は、覚えるようにしましょう。



〈このガイドブックに書かれているのは2019年2月時点での情報です。利用するときには、最新の情報を確認してください〉

Lời nói đầu

Các trường học ở Nhật Bản có thể có các nội quy, sinh hoạt tại trường và cách học tập khác nhau so với trường học ở nước bạn. Vì vậy, bạn có thể cảm thấy khó hiểu và lo lắng về sự khác biệt đó.

Sách hướng dẫn này giải thích rõ ràng về hệ thống giáo dục Nhật Bản, nội dung học tập, các sự kiện của trường, v.v. dành cho học sinh lần đầu tiên nhập học vào các trường tiểu học Nhật Bản và phụ huynh của các em. Nếu bạn chưa hiểu, hãy hỏi giáo viên bất cứ điều gì.

Các trường học trong khu vực bạn sinh sống ở Tỉnh Kanagawa đều đang cố gắng tạo ra một môi trường nơi tất cả mọi người giúp đỡ lẫn nhau, chấp nhận và tôn trọng mọi sự đa dạng. Trong đó có hướng dẫn và hỗ trợ giáo dục đối với trẻ em có yếu tố nước ngoài.

Chúng tôi đã biên soạn Sách hướng dẫn này với mong muốn các em có thể yên tâm trải qua cuộc sống học đường thú vị tại trường học ở Tỉnh Kanagawa.

Mục lục

1. Trường học Nhật Bản (Hệ thống giáo dục · Đăng ký đi học · Trẻ em khuyết tật · Hỗ trợ học tập)	1
2. Lịch trình một năm của trường Trung học cơ sở (Sự kiện · Học kỳ)	2
3. Giới thiệu các sự kiện (Lễ khai giảng · Lễ tốt nghiệp, v.v.)	3
4. Một ngày ở trường Trung học cơ sở (Đi học · Sinh hoạt lớp · Tiết học · Dọn dẹp · Hoạt động câu lạc bộ)	4
5. Hoạt động câu lạc bộ · Hội học sinh (Ví dụ về Hoạt động câu lạc bộ, Hội học sinh · Ngày sinh hoạt)	5
6. Môn học · Thành tích học tập (Tiết học · Bảng thành tích học tập)	6
7. Chuẩn bị trước khi nhập học (Đồng phục · Trang phục học thể dục · Giày, v.v.)	7
8. Vắng mặt · Đi trễ · Về sớm · Dự giờ Tiết thể dục (Cách diễn đạt · Lý do · Phòng y tế)	8
9. Dành cho phụ huynh (Khoản tiền cần thiết đóng cho trường · Tham quan tiết học · Họp lớp · Giáo viên đến thăm nhà · Họp phụ huynh · Hoạt động của Hội phụ huynh PTA)	9
10. Nội quy trường học Nhật Bản (Nội quy · Thói quen · Nội dung học · Dọn dẹp · Đúng giờ)	10
11. Lưu ý đối với phụ huynh (Lắng nghe con · Không để mặc con tự xoay sở với việc học)	11
12. Lộ trình học sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở (Lộ trình học · Đi làm · Họp 3 bên)	12
13. Trường Trung học phổ thông (Các loại trường THPT · Chương trình học · Lệ phí thi · Học phí)	13
14. Kỳ thi tuyển sinh vào Trường Trung học phổ thông (Làm thế nào để vào Trường Trung học phổ thông · Kỳ thi tuyển sinh dành cho học sinh có yếu tố nước ngoài)	14
15. Cơ sở tư vấn	15

※ Có Sách hướng dẫn dành cho Tiểu học.

※ Có thể tải xuống từ Trang chủ.

Hãy ghi nhớ những từ có đánh dấu * trong Sách hướng dẫn này.

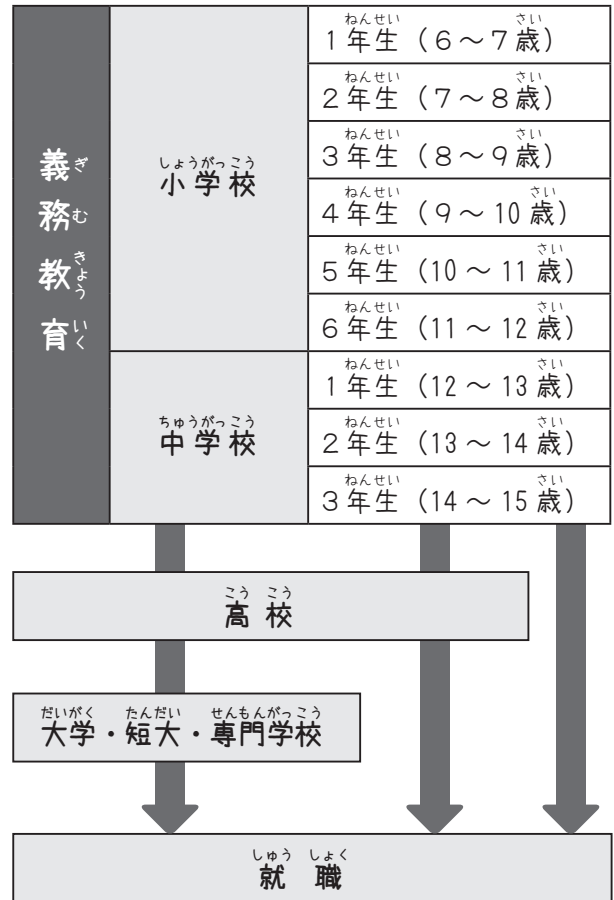


(Thông tin trong Sách hướng dẫn này được cập nhật tại thời điểm tháng 2 năm 2019. Vui lòng kiểm tra thông tin mới nhất khi sử dụng.)

1. 日本の学校

◎教育システム

- 義務教育は、6歳～15歳までの9年間です。子どもの歳で学年が決まります。
- 小学校は、6歳を過ぎた最初の4月に入学します。小学校には6年間、中学校には3年間通います。
- 公立の小学校と中学校の授業料と教科書は無料です。
- 通う学校は住所によって決まっています(学区と言います)。
- 小学校と中学校では、成績によって進級できないことはありません。
- 子どもの勉強が心配なときは、担任の先生に相談してください。
- 高校で勉強したいときは、みんな入学試験を受ける必要があります。
- 高校や大学、短大、専門学校は、入学金や授業料などのお金が必要です。



◎学校に入るには

- 市役所・区役所や町役場・村役場で、子どもを学校に入学させたいことを伝えてください。
- 日本語に不安があるときは、相談機関などに相談してみてください。(→ p. 15)

◎障害のある子ども

- 障害のある子どものための特別支援学校があります。
- また、学校の中に1クラスの人数が少なく、一人ひとりにあったプログラムがある特別支援学級のある学校もあります。役所か学校に相談してみてください。

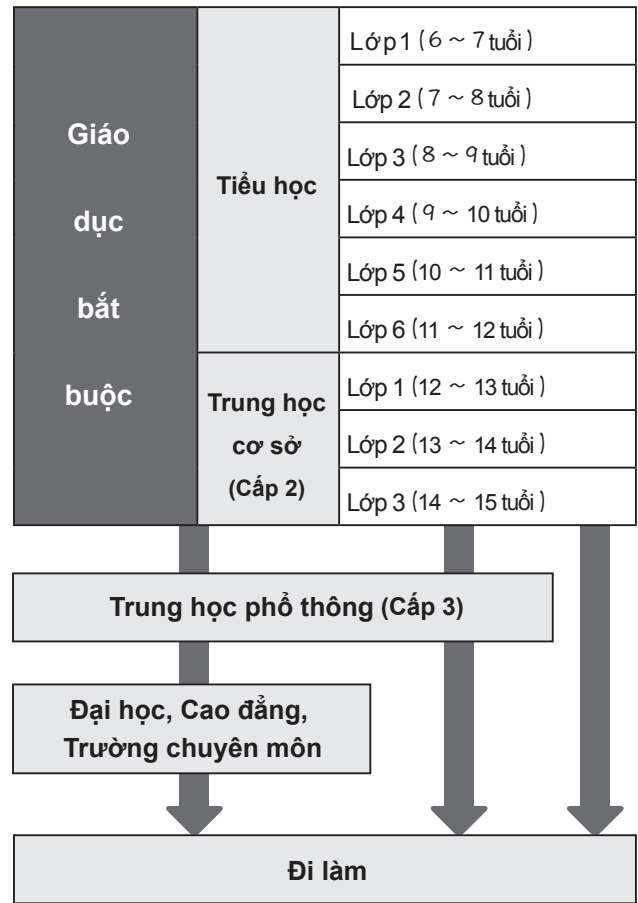
◎学習のサポート

- 外国につながる子どもたちの学習をサポートするために、学校や地域でさまざまな支援があります。
- 【学校】 ●国際教室：外国籍の子どもが多くいる中学校には、国際教室があります。担当の先生が、日本語や苦手な教科の勉強を一人ひとりサポートします。
- 日本語支援：市町村によっては、日本語がわからない子どものために日本語を教えてくれる人や、母語が話せる人が学校に来てくれます。くわしくは、担任の先生に相談してください。
- 【地域】 ●日本語教室・学習支援教室：子どものための日本語教室や学校の勉強を手伝ってくれる学習支援教室がある市町村もあります。担任の先生や相談機関に聞いてみてください。

1. Trường học Nhật Bản

🕒 Hệ thống giáo dục

- Giáo dục bắt buộc gồm 9 năm đối với trẻ từ 6 đến 15 tuổi. Cấp lớp được xác định theo độ tuổi của trẻ.
- Trẻ sẽ nhập học Tiểu học vào tháng 4 đầu tiên sau khi tròn 6 tuổi. Trường Tiểu học kéo dài 6 năm.
- Học phí và sách giáo khoa ở Tiểu học và Trung học cơ sở (Cấp 2) được miễn phí.
- Trường trẻ theo học được xác định theo địa chỉ (gọi là "Gakku", khu vực trường được chỉ định).
- Ở bậc Tiểu học và Trung học cơ sở, không có chuyên lưu ban nếu thành tích học không tốt.
- Nếu bạn lo lắng về việc học tập của con mình, vui lòng trao đổi với giáo viên chủ nhiệm.
- Nếu muốn học lên Trung học phổ thông (Cấp 3), tất cả học sinh cần phải tham gia kỳ thi tuyển sinh.
- Các trường Trung học phổ thông, Đại học, Cao đẳng và Trường chuyên môn đều yêu cầu đóng các khoản phí như tiền nhập học, học phí, v.v.



🕒 Đăng ký đi học

- Hãy đến Tòa thị chính, Trụ sở hành chính quận, Trụ sở thôn, làng và nói với họ rằng bạn muốn cho con mình đi học.
- Nếu bạn không tự tin vào khả năng tiếng Nhật, vui lòng liên hệ các cơ sở tư vấn. (Trang 15)

🕒 Trẻ em khuyết tật

- Có những trường học đặc biệt dành cho trẻ khuyết tật.
- Ngoài ra, một số trường còn có lớp học đặc biệt với số lượng học sinh hạn chế và có chương trình phù hợp cho từng học sinh. Vui lòng tư vấn với Chính quyền hành chính địa phương hoặc trường học.

🕒 Hỗ trợ học tập

Có nhiều hình thức hỗ trợ khác nhau tại trường học và địa phương để hỗ trợ việc học tập của trẻ em có yếu tố nước ngoài.

[Trường học]

- **Lớp quốc tế:** Trường trung học cơ sở có nhiều học sinh nước ngoài đều có Lớp quốc tế. Giáo viên phụ trách sẽ hỗ trợ từng học sinh học tiếng Nhật và các môn còn yếu.
- **Hỗ trợ tiếng Nhật:** Ở một số thành phố, thôn, làng, sẽ có người dạy tiếng Nhật cho trẻ không hiểu tiếng Nhật hoặc người biết tiếng mẹ đẻ của trẻ đến trường để giúp trẻ học. Để biết chi tiết, vui lòng liên hệ giáo viên chủ nhiệm.

[Địa phương]

- **Lớp học tiếng Nhật · Lớp hỗ trợ học tập:** Một số thành phố có Lớp học tiếng Nhật và Lớp hỗ trợ học tập dành cho trẻ em để giúp đỡ trẻ với việc học ở trường. Hãy hỏi giáo viên chủ nhiệm hoặc cơ sở tư vấn.

2. 中学校の1年間

- ・学校によって行事や日程がちがいます。
- ・4月に年間予定表が配られるので、確認するといいでしょう。
- ・保護者が参加するものには「★」マークを付けました。



このマークは試験があるときです。

【3学期制】 Hệ thống 3 học kỳ



1学期 Học kỳ 1



【2学期制】 Hệ thống 2 học kỳ

前期 Học kỳ 1



なつやす
夏休み

Nghỉ hè

が 4月	が 5月	が 6月	が 7月
Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7

が
8月
Tháng 8

しぎょうしき
始業式
★入学式
しんたいそくてい
身体測定

(★)たいいくさい
体育祭
しゅうがくりょこう
修学旅行

プール

Có rất nhiều bài tập về nhà
trong kỳ nghỉ hè.

Có nhiều nơi nhận hỗ trợ học tập
trong kỳ nghỉ hè nhau hỗ trợ ở
nhiều nơi trong thời gian kì nghỉ
hè. Hãy đi thử nhé! (→Trang 1)

Lễ khai giảng (★)Đại hội thể thao Hồ bơi
★ Lễ nhập học Du lịch học tập
Đo chiều cao
cân nặng

なつやす
夏休みにはたくさんの
しゅくたい
宿題が出ます。

いろいろな所で、夏休み中
に学習支援をしているので、
ぜひ行ってみてください！

(→ p. 1)

がっき ひょう うえ み
学期(表の上を見てください)

- ・1年を2回か3回に区切ったものを学期と言います。
- ・学期の終わりには通知表(通信簿)が渡されます。(→ p. 6)

- ・学校によって区切り方がちがいます。

※2学期制も3学期制も授業日数にちがいはほとんどありません。

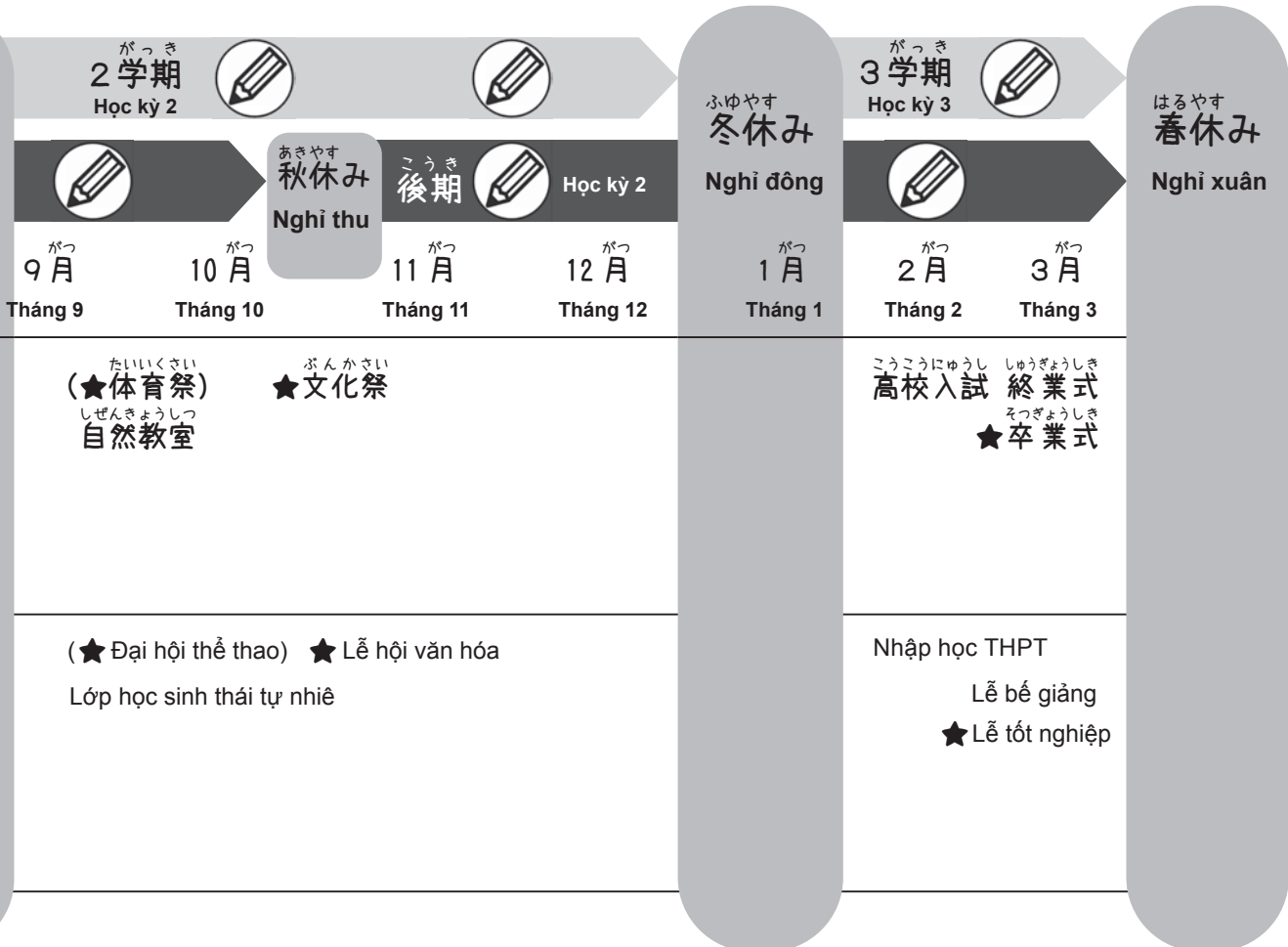
2. Lịch trình một năm của trường Trung học cơ sở

• Các sự kiện và lịch trình khác nhau tùy theo trường.

- Lịch trình hoạt động cho cả năm học được phát vào tháng 4, các bạn nên xác nhận thật kỹ.
- Các mục yêu cầu phụ huynh tham gia được đánh dấu “★”.



Chỗ đánh dấu này là có kỳ thi.



Học kỳ (vui lòng xem bảng minh họa phía trên)

- Một năm học chia thành 2 hoặc 3 giai đoạn được gọi là học kỳ.


Vào cuối học kỳ, học sinh sẽ được phát Phiếu điểm

(Tsuchihyo/Tsushinbo) (→Trang 6)

- Cách phân chia giai đoạn khác nhau tùy theo trường.

※ Hầu như không có sự khác biệt về số ngày đi học của hệ thống 2 học kỳ và hệ thống 3 học kỳ.


3. 行事の紹介

ぎょうじ なまえ 行事の名前	ないよう 内容	
しぎょうしき (がつ) 始業式 (4月)	ねん がくしゅう はじり とき あたら たんにん せんせい はつひよう 1年の学習の始まりの式です。新しいクラスと担任の先生が発表されます。	
にゅうがくしき (がつ) 入学式 (4月)	にゅうがく せいと いわ とき こ どもは せいふく ほごしゃ 入学する生徒たちをお祝する式です。子どもは制服、保護者はふだん着ではなく、イラストのような服装で行きましょう。授業はなく、半日で終わります。	
しゅうぎょうしき 終業式	がっき お とき つうちよう つう 学期の終わりの式です。通知表(通 しんぼ)をもらいます。	
しゅうりようしき (がつ) 修了式 (3月)	ねん がくしゅう お とき 1年の学習の終わりの式です。	
そつぎょうしき (がつ) 卒業式 (3月)	ちゅうがっこう がくしゅう お 中学校での学習が終わったことを お祝するのための式です。	
たいいくさい 体育祭 (たいいくたいかい) (体育大会)	きょうぎ や ダンスなどの発表をして、仲間と協力して運動を楽しみます。春か秋におこなわれます。昼食は保護者と一緒にお弁当を食べます。	
ぶんかさい 文化祭	ぶかつどう じぎょう せいと はつひよう 部活動や授業の成果を発表したり、生徒が中心となつて演劇やダンスなどをおこないます。	
しぜんきょうしつ 自然教室	ねんせい (または 2年生) のときに 1~2泊する旅行です。自然の中で過ごしたり、歴史的な場所などを見学します。(自然教室のない学校もあります)	
しゅうがくりょこう 修学旅行	おもに 3年生が 2~3泊する学習旅行です。みんなで旅行することで、先生やクラスメイトとの交流を深めます。	
しよくぎょうたいけん 職業体験	ちいきの会社や店などで、1日~数日間仕事のお手伝いをします。働く人々に話を聞いたり、働くことはどういうことを学びます。	
しんたいそくてい 身体測定	校内で養護の先生が、子どもの身長、体重をはかります。年に1回おこないます。	
けんこうしんだん 健康診断	子どもの成長の様子や健康状態を調べます。内科や歯科、耳鼻科、眼科検診のほかに、尿検査(学校へ尿を持っていく)などもおこないます。	

※行事の名前は学校によってちがうこともあります。自分の学校では何というか確認しましょう。

3. Giới thiệu các sự kiện

Tên sự kiện	Nội dung
Lễ khai giảng (Tháng 4)	Đây là buổi lễ bắt đầu một năm học mới. Công bố lớp và giáo viên chủ nhiệm mới.
Lễ nhập học (Tháng 4)	Đây là buổi lễ chào đón học sinh nhập học. Trẻ và cha mẹ không mặc trang phục như thường ngày mà nên mặc trang phục trang trọng như hình minh họa. Không có tiết học và buổi lễ sẽ kết thúc sau nửa ngày.
Lễ kết thúc học kỳ	Đây là buổi lễ kết thúc học kỳ. Học sinh sẽ nhận được Phiếu điểm.
Lễ bế giảng (Tháng 3)	Đây là buổi lễ kết thúc một năm học.
Lễ tốt nghiệp (Tháng 3)	Đây là buổi lễ đánh dấu việc hoàn thành chương trình học ở bậc Trung học cơ sở.



Lễ hội thể thao (Đại hội thể thao)	Học sinh sẽ hợp tác cùng nhau để tham gia và thưởng thức các cuộc thi đấu thể thao và đồng diễn. Đại hội thể thao được tổ chức vào mùa xuân hoặc mùa thu. Buổi trưa học sinh sẽ ăn cơm hộp cùng với phụ huynh.
Lễ hội văn hóa	Các em học sinh sẽ báo cáo hoạt động câu lạc bộ và thành quả đạt được của các môn học, các em học sinh sẽ là nhân vật trung tâm biểu diễn kịch và các màn nhảy.
Lớp học sinh thái tự nhiên	Đây là chuyến du lịch 1 hoặc 2 ngày dành cho học sinh năm 1 (hoặc năm 2). Học sinh sẽ dành thời gian hòa mình vào thiên nhiên hoặc tham quan các địa điểm lịch sử. (Một số trường không có Lớp học sinh thái tự nhiên)
Du lịch học tập	Đây là chuyến du lịch học tập 2 đến 3 ngày, chủ yếu dành cho học sinh năm 3. Bằng cách đi du lịch cùng nhau, học sinh sẽ gắn kết hơn với giáo viên và các bạn cùng lớp.
Trải nghiệm nghề nghiệp	Các em học sinh sẽ giúp đỡ công việc tại một công ty hoặc cửa hàng địa phương từ một đến vài ngày. Các em sẽ lắng nghe câu chuyện từ những người đang đi làm và tìm hiểu xem làm việc là như thế nào.

Đo chiều cao cân nặng	Giáo viên y tế trong trường sẽ đo chiều cao và cân nặng của học sinh. Hoạt động này được thực hiện vài lần trong một năm học.
Kiểm tra sức khỏe	Kiểm tra sự tăng trưởng và tình trạng sức khỏe của học sinh. Ngoài nội khoa, nha khoa, tai mũi họng, khám mắt, còn tiến hành xét nghiệm nước tiểu (mang nước tiểu đến trường).

※ Tên gọi các sự kiện có thể khác nhau tùy theo trường. Hãy xác nhận tên gọi các sự kiện của trường mình nhé.

4. 中学校の1日

学校があるのは月～金曜日です。土曜日・日曜日・祝日はお休みです。

★土曜日・日曜日に行事があったときは、月曜日が代わりに休みにすることがあります(代休と言います)。学校からのプリントなどを確認しましょう。

8:00
ころ



登校：学校へ行きます。



学活：クラスでおこなう朝の会です。その日の予定などを話します。



授業：午前中は1時間目から3時間目か4時間目まで。1時間はふつう50分です。時間割は学年や曜日によってちがいます。

12:30
ころ



昼食：みんなでお昼ご飯を食べます。



そうじ：みんなで教室や学校のそうじをします。

午後



授業：午後は4～6時間目または5～6時間目です。



学活：クラスでおこなう帰りの会です。次の日の時間割や予定などを確認します。



部活動：放課後におこなう運動部や文化部の活動です。(→ p. 5)

※学校によって時間や活動内容は少しちがいます。

● 昼食

- 中学校では給食のある学校とお弁当の学校があります。
- お弁当は、朝作ったものを家から持って行って家で食べるので、くさりやすいものを用意してください。
- 家で用意できないときは、学校でお弁当を注文したり、登校途中で買っていただきます。
- アレルギー・宗教などで、食べられないものがあるときは、学校に相談してください。

● そうじ

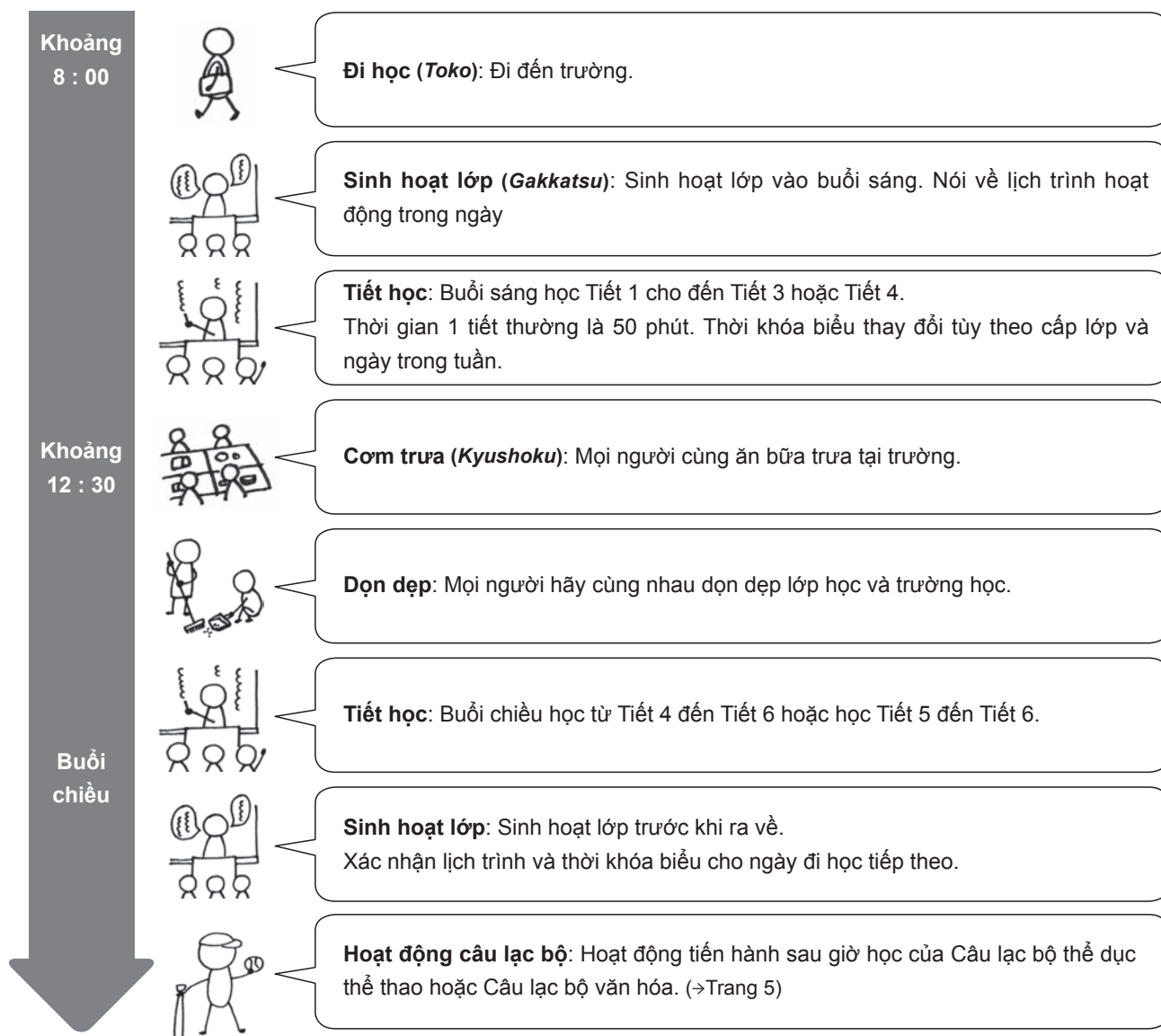
- 生徒たちは、毎日学活の前か後に学校の中をそうじします。
- 自分たちが使う場所を、みんなで協力してきれいにするのも、大切な教育活動のひとつです。

4. Một ngày ở trường Trung học cơ sở

Trường học mở cửa từ Thứ hai đến Thứ sáu. Ngày nghỉ là Thứ bảy · Chủ nhật · Ngày lễ.

★ Nếu có sự kiện vào Thứ bảy · Chủ nhật thì Thứ hai được nghỉ bù (gọi là Daikyu).

Hãy kiểm tra thư từ liên lạc từ nhà trường.



● Cơm trưa (Kyushoku)

- Một số trường Trung học cơ sở cung cấp bữa trưa tại trường và một số trường yêu cầu học sinh mang theo cơm hộp.
- Cơm hộp chuẩn bị vào buổi sáng và mang từ nhà đến trường để ăn vào buổi trưa, vì vậy hãy chuẩn bị món khó bị thiu.
- Nếu không thể chuẩn bị tại nhà, hãy đặt mua cơm hộp tại trường học hoặc mua trên đường đến trường.
- Nếu có món gì mà trẻ không thể ăn vì bị dị ứng, lý do tôn giáo, v.v., vui lòng liên hệ với nhà trường.

● Dọn dẹp

- Học sinh dọn dẹp trường học hàng ngày trước hoặc sau giờ Sinh hoạt lớp.
- Cùng nhau dọn dẹp sạch sẽ các khu vực thường sử dụng cũng là một trong những hoạt động giáo dục quan trọng.

5. 部活動・委員会

◎部活動(部活)

- ・中学校には部活動があります。
- ・部活動は、基本的にやりたい人が入ります。ただし、全員参加をすすめている学校もあります。
- ・生徒は興味のある部に入り、授業前や放課後、学校が休みの日に活動します。
- ・それぞれの部活のルールや活動する日、必要なお金などを確認し、家の人と相談してから、入部を決めましょう。



【活動日】 ぶつうは月曜日から金曜日の放課後に活動します。朝授業の始まる前や日にち かつどう なつやす ちゅう がっしゅく たいかい さんか ぶ 土日に活動したり、夏休み中に合宿や大会に参加したりする部もあります。

【必要なお金】 ユニフォームや道具を買ったり、部費を払ったりすることもあります。また、大会に行くための交通費や昼食代がかかることもあります。



◎部活動の例(学校によってちがいます。先生に確認してください)

運動部

サッカー部	野球部	陸上部	バスケットボール部
バレーボール部	テニス部	卓球部	バドミントン部
水泳部	体操部	柔道部	剣道部 など

文化部

美術部	吹奏楽部	合唱部	科学部	手芸部
演劇部	書道部	園芸部	囲碁部	将棋部
パソコン部	茶道部	ギター部	イラスト部	など

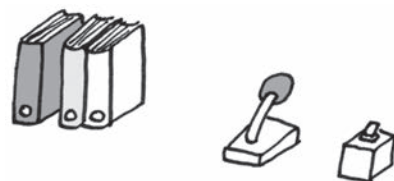


◎委員会活動

- ・生徒たちが責任をもって学校づくりの役割を受け持ち、よりよい学校生活のために活動します。

◎委員会の例(学校によってちがいます。先生に確認してください)

図書委員会：本の整理や管理などをします。
 放送委員会：昼休みやイベントのときの放送をします。
 保健委員会：生徒の健康と安全を守るための活動をします。
 体育委員会：体育祭の準備などをします。 など



※部活動、委員会活動も、高校受験のときの大切な資料になります。

5. Hoạt động câu lạc bộ · Hội học sinh

🕒 Hoạt động câu lạc bộ (*Bukatsu*)

- Các trường Trung học cơ sở đều có hoạt động câu lạc bộ.
- Về cơ bản, hoạt động của câu lạc bộ chỉ dành cho học sinh muốn tham gia. Tuy nhiên, cũng có trường khuyến khích mọi người tham gia.
- Học sinh chọn câu lạc bộ mà các em thích, tham gia các hoạt động trước và sau giờ học, vào các ngày nghỉ học.
- Học sinh cần xác nhận nội quy của từng câu lạc bộ, ngày hoạt động, chi phí cần thiết và tham khảo ý kiến của gia đình trước khi quyết định chọn tham gia câu lạc bộ nào.

[Ngày hoạt động] Các hoạt động thường được tổ chức sau giờ học từ thứ Hai đến thứ Sáu. Một số câu lạc bộ hoạt động trước giờ học buổi sáng hoặc Thứ bảy · Chủ nhật, một số câu lạc bộ tham gia các trại huấn luyện và thi đấu trong kỳ nghỉ hè.

[Chi phí cần thiết] Học sinh có thể phải mua đồng phục hoặc dụng cụ và trả phí câu lạc bộ. Ngoài ra, học sinh cũng có thể phải chịu phí giao thông đi khi thi đấu và ăn trưa.

🕒 **Ví dụ về hoạt động câu lạc bộ** (Thay đổi tùy theo trường. Hãy xác nhận lại với giáo viên.)

Câu lạc bộ thể dục thể thao

Bóng đá	Bóng chày	Điền kinh	Bóng rổ
Bóng chuyền	Tennis	Bóng bàn	Cầu lông
Bơi lội	Thể dục dụng cụ	Judo	Kendo, v.v..

Câu lạc bộ văn hóa

Mỹ thuật	Kèn đồng	Hợp xướng	Khoa học	Thủ công mỹ nghệ
Diễn kịch	Thư pháp	Làm vườn	Cờ vây	Cờ tướng
Máy tính	Trà đạo	Guitar	Vẽ minh họa, v.v..	

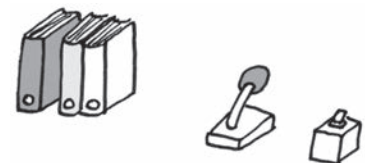


🕒 Hoạt động Hội học sinh

- Học sinh nhận trách nhiệm về vai trò phát triển trường học và hoạt động vì một cuộc sống học đường tốt đẹp hơn.

🕒 **Ví dụ về hoạt động Hội học sinh** (Thay đổi tùy theo trường. Hãy xác nhận lại với giáo viên.)

Ủy ban thư viện:	sắp xếp và quản lý sách.
Ủy ban phát thanh:	thông báo trong giờ nghỉ trưa và các sự kiện
Ủy ban sức khỏe:	thực hiện các hoạt động nhằm bảo vệ sức khỏe và an toàn của học sinh.
Ủy ban thể thao:	chuẩn bị cho Lễ hội thể thao



※ Hoạt động câu lạc bộ, hoạt động Hội học sinh cũng là tài liệu quan trọng cho kỳ thi tuyển sinh Trung học phổ thông.

6. Môn học · Thành tích học tập

🕒 Giờ học

- Ở trường Trung học cơ sở, tùy theo môn học mà giáo viên phụ trách sẽ khác nhau.
- Mỗi năm có 4 - 5 kỳ thi định kỳ (thi giữa kỳ, thi cuối kỳ).



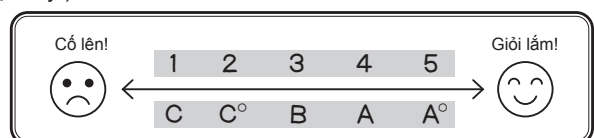
Tên môn học	Nội dung học
Quốc ngữ	Đọc các đoạn văn hiện đại và cổ đại, học cách viết câu.
Xã hội	Học kiến thức cơ bản về địa lý, lịch sử, chính trị và kinh tế.
Xã hội	Học tính toán bằng cách sử dụng các công thức toán học và học về hình dạng.
Khoa học tự nhiên	Học về sinh vật và hóa học, vật lý, địa chất, v.v..
Âm nhạc	Học hát, chơi nhạc cụ, nghe nhạc và tìm hiểu lịch sử âm nhạc.
Mỹ thuật	Vẽ tranh, tạo ra đồ vật, ngắm các tác phẩm nghệ thuật.
Sức khỏe thể chất	Chơi thể thao, học về sức khỏe và cơ cấu chức năng của cơ thể.
Kỹ thuật · Gia chánh	Trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho cuộc sống hàng ngày. Bao gồm cả kỹ năng về máy tính.
Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Học ngữ pháp tiếng Anh, đọc hiểu và viết văn.
Đạo đức	Học để hiểu về tầm quan trọng của sinh mệnh và nuôi dưỡng lòng bao dung đối với người khác.
Thời gian học tổng hợp	Tim kiếm đề tài từ cuộc sống xung quanh bản thân, nghiên cứu và tìm hiểu về đề tài đó.
Hoạt động lớp	Học sinh cùng nhau thảo luận và quyết định các vấn đề trong lớp, thực hiện đúng nhiệm vụ. Ngoài ra, các em còn tìm hiểu về cuộc sống và tương lai của bản thân.
Hoạt động Hội học sinh	Thực hiện các hoạt động để cải thiện cuộc sống học đường. Có nhiều ủy ban khác nhau.
Sự kiện của trường	Lễ hội thể thao, Lễ hội văn hóa, du lịch học tập, ... Là một trong những nội dung học quan trọng.

🕒 Thành tích học tập

- **Đánh giá môn học**
 - Tinh thần cố gắng nỗ lực
 - Mức độ hiểu bài
 - Năng lực suy nghĩ
- } từng yếu tố này sẽ được đánh giá.

- **Hình thức đánh giá** Giáo viên trong trường sẽ đánh giá học sinh qua hình thức tham khảo tình hình nghe giảng hàng ngày, các tài liệu cần nộp như bài tập, tác phẩm và qua các bài kiểm tra. (Kiểm tra: có bài kiểm tra cuối giờ học và bài kiểm tra định kỳ.)

- **Phiếu điểm (Tsushinbo)**
 - Phiếu điểm được phát vào cuối mỗi học kỳ.
 - Thành tích được thể hiện bằng 5 cấp độ như hình bên phải. (cao nhất là 5, A°)
 - Phiếu điểm cho biết bản thân học sinh đang làm tốt và chưa tốt ở điểm nào.
 - Không có chuyện không được lên lớp do thành tích kém.



※ Thành tích học ở trường được tham khảo để quyết định đậu hay trượt khi vào Trung học phổ thông.

にゅうがく じゅんび 7. 入学の準備

② 制服 (標準服) など

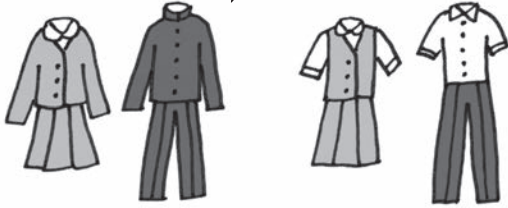
・学校によってちがうので、自分の行く学校に確認してください。以下は一般的な例です。

★3年生で編入する場合、先生にどうしたらいいか相談してください。

※制服がない中学校もあります。

● 制服

夏服と冬服があります。



標準服がどこで買えるかは先生に聞いてください。
服装は学校によって決まりがあります。

● 体育用の服装 (学校が決めたもの)



体着シャツ (半そで・長そで)、ハーフパンツ、
ジャージ上下

● 靴

通学ぐつ (運動ぐつ)



上ばき



体育館ばき



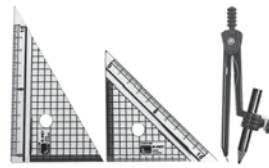
●ほかに (すぐに用意しなくてもいいものもあります。必要なときに先生から言われます)

筆記用具

〈えんぴつ、定規、シャープペン、消しゴム、赤ペンなど〉



三角定規・コンパス



絵具



習字道具



リコーダー



三角巾・エプロン・マスク



裁縫道具



プールセット 〈水着、水泳帽、ゴーグル、タオル〉



彫刻刀



水筒



7. Chuẩn bị trước khi nhập học

🕒 Đồng phục (Trang phục chuẩn)

• Khác nhau tùy theo trường, vì vậy hãy xác nhận với trường học. Dưới đây là ví dụ chung về đồng phục.

★ Nếu chuyển đến học vào năm 3, hãy trao đổi với giáo viên các việc cần làm.

※ Một số trường Trung học cơ sở không có đồng phục.

● Đồng phục

Đồng phục mùa hè và mùa đông



Hỏi giáo viên nơi có thể mua trang phục chuẩn.
Đồng phục do nhà trường quy định.

● Trang phục thể thao (do nhà trường quy định)



Áo thể dục (ngắn tay · dài tay), quần lửng, bộ quần áo thể thao

● Giày

Giày đi học (giày thể thao)



Giày mang trong nhà



Giày thể dục



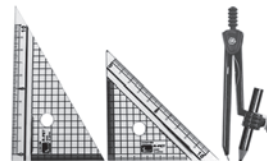
● Các loại khác (có một số thứ không cần chuẩn bị ngay. Khi nào cần thì giáo viên sẽ thông báo)

Bút viết

(bút chì, thước, bút chì bấm, gôm/tẩy, bút đỏ,...)



Thước tam giác · Compa



Bộ màu nước học vẽ



Dụng cụ học thư pháp



Sáo



Khăn tam giác · Tạp dề · Khẩu trang



Bộ dụng cụ may vá



Set đồ học bơi

(Áo tắm, mũ/nón bơi, kính bơi, khăn tắm)



Dao khắc



Bình nước



8. 欠席・遅刻・早退・体育の見学

欠席・遅刻

- ・学校を休むときや遅刻するときは、必ず担任の先生に連絡します。
- ・日本の学校は、体調が悪くない限り出席します。特別な用事(冠婚葬祭など)がなければ休みません。
- ・子どもが学校を休むときは、学校と保護者の両方が、必ず知っていきなくてはなりません。
- ・もし連絡しないと、学校から電話が来ます。電話には必ず出てください。

★学校に行ってはいけない病気

→インフルエンザ、はしか、おたふく、みずぼうそう、百日せき、風しん、結核など

★学校が休みになったり、午後から授業になるかも

しれない天気 →大雨、暴風、大雪など
※確認方法は必ず学校に聞いてください。

早退(早く家に帰ること)

- ・病院に行くなど特別な用事で、学校から早く帰らせたいときにも、担任の先生に連絡します。
- ・学校で子どもの具合が悪くなった場合は、担任の先生や保健室の先生から連絡があります。

体育の見学

- ・風邪やケガなどのときは、体育の授業を見学することができます。
- ・見学のためには、保護者が電話か生徒手帳を使って、学校に連絡しなければなりません。

●伝え方

休みます。	Mi hijo/a no irá a la Escuela.
ちこく します。 ○時に 行きます。	Va a retrasarse. Irá a las ○ horas.
そうたい します。 ○時に 帰ります。	Va a retirarse antes de la hora, a las ○ horas.
体育を 見学 します。	Va a observar la clase de Educación Física.

●理由

かぜです。	Está con gripe.	は 吐きました。	Vomitó.
ねつ 熱があります。	Tiene fiebre.	びょうき なまえ 〈病気の名前〉 です。	Está con 〈nombre de la enfermedad〉.
あたま いた 頭が痛いです。	Le duele la cabeza.	けがを しました。	Está herido/a.
げり 下痢です。	Está con diarrea.	びょういん い 病院に行きます。	Lo/a llevaré al hospital.

◎学校で体の調子が悪くなったとき

- ・学校には「保健室」があります。ケガをしたときは、養護の先生が簡単な手当てをします。
- ・体調が悪いときは、ベッドで休むこともできます。飲み薬はありません。
- ・家に帰る必要があるときは、学校から連絡があります。
- ・学校や登下校でケガをして病院に行ったときには、一度お金を払いますが、あとからその分のお金を保険からもらいます。



8. Vắng mặt · Đi trễ · Về sớm · Dự giờ Tiết thể dục

Vắng mặt (Kesseki) · Đi trễ (Chikoku)

- Nếu trẻ nghỉ học hoặc đi học trễ, nhất thiết phải liên lạc với giáo viên chủ nhiệm.
- Ở Nhật Bản học sinh phải đi học mỗi ngày trừ khi cơ thể không khỏe. Không được nghỉ học nếu không có lý do đặc biệt (gia đình có đám cưới, tang sự, v.v.).
- Cả nhà trường và phụ huynh đều phải biết khi trẻ nghỉ học.
- Nếu phụ huynh không liên lạc, nhà trường sẽ gọi cho phụ huynh. Nhất định phải trả lời điện thoại.

★ Không được đi học nếu mắc các bệnh sau

→ Cúm, sởi, quai bị, thủy đậu, ho gà, rubella, lao,...

★ Trường học sẽ cho nghỉ hoặc học từ buổi chiều trong các điều kiện thời tiết sau

→ Mưa to, bão, tuyết lớn,...

※ Hãy hỏi nhà trường hình thức liên lạc.

Về sớm (Sotai)

- Khi có việc đặc biệt chẳng hạn như đi bệnh viện và muốn trẻ về nhà sớm thì phụ huynh cần thông báo cho giáo viên chủ nhiệm.
- Nếu trẻ không khỏe ở trường, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên phòng y tế sẽ liên lạc với phụ huynh.

Observación de la clase de Educación Física

- Nếu bị cảm hoặc bị thương, học sinh được phép dự giờ Tiết học thể dục.
- Phụ huynh phải liên hệ với nhà trường qua điện thoại hoặc sổ tay học sinh để xin phép cho trẻ được dự giờ.

● Cách diễn đạt

Yasumi masu.	Con tôi nghỉ học.
Chikoku shimasu. ○ ji ni ikimasu.	Con tôi đi học trễ. Con tôi sẽ đến trường lúc ○ (giờ).
Sotai shimasu. ○ ji ni kaerimasu.	Con tôi sẽ về sớm. Con tôi sẽ về lúc ○ (giờ).
Taiiku o kengaku shimasu.	Con tôi sẽ dự giờ Tiết thể dục.

● Lý do

Kaze desu.	Con tôi bị cảm.	Haki mashita.	Con tôi bị nôn/ói.
Netsu ga arimasu.	Con tôi bị sốt.	<.....> desu.	Con tôi bị (tên bệnh).
Atama ga itai desu.	Con tôi bị nhức/đau đầu.	Kega o shimashita.	Con tôi bị thương.
Geri desu.	Con tôi bị tiêu chảy.	Byoin ni ikimasu.	Con tôi đi bệnh viện.

🕒 Khi không khỏe ở trường

- Trong trường có "Phòng y tế". Khi học sinh bị thương, giáo viên y tế sẽ sơ cứu vết thương cho học sinh.
- Khi cảm thấy không khỏe, học sinh có thể nằm nghỉ trên giường. Trường sẽ không cho uống thuốc.
- Nếu cần thiết phải về nhà, trường sẽ liên lạc với phụ huynh. Vui lòng đến trường đón trẻ.
- Khi học sinh bị thương ở trường hoặc trên đường đi học hay đi về và cần phải đi bệnh viện, nhà trường sẽ tạm ứng viện phí trước, sau đó sẽ yêu cầu phụ huynh thanh toán



9. 保護者のかたへ

★次のことは担任の先生に必ず伝えてください。

- ・必ずつながる連絡先(携帯電話や仕事の番号など)
- ・家や携帯電話の番号、仕事や住所が変わったとき
- ・引っ越しや帰国することが決まったとき



◎学校で必要なお金

・公立中学校の授業料と教科書は無料です。それ以外に、次のものは保護者が払います。

ねんかん ひつよう かね 1年間で必要なお金 (毎年かかります)	きゅうしょくひ がっこう か きょうざい 給食費、学校でまとめて買う教材 (ドリル、ワークなど)、文房具、部活の かつどうひ かいひ えんそく こうがいがくしゅうひ 活動費、PTA会費、遠足・校外学習費	かね さらにお金 が 必要なお金	ねんせい 1年生 せいふく バッグ、くつ、にゅうがく てん 制服、バッグ、くつ、入学(転 入)したときに買う物の費用など	ねんせい 3年生 しゅうがくりょこうひ そつぎょう だい 修学旅行費、卒業アルバム代
--	---	---------------------------	--	---



- ・引き落としの場合、必ず学校指定の銀行や郵便局で口座を作ってください。
- ・現金で払う場合は、集金袋が渡されます。
- ・支払いに困ったときは、学校へ相談しましょう。

※就学援助制度：修学旅行や勉強に使う道具などのお金に困ったときは、助けてくれる制度があります。

くわしいことは、担任の先生に相談してください。

◎授業参観・学級懇談会

- ・授業参観の日は、子どもたちの教室での様子を保護者が見学します。
- ・授業参観の後に学級懇談会がおこなわれます。先生の話の聞いたり、みんなで先生と話し合います。

◎家庭訪問

- ・担任の先生が子どもの家に行き、子どもの学校や家での様子について、保護者と話します。
- ・時間は10～15分くらいです。訪問の日時は前もって手紙が来ます。家庭訪問のない学校もあります。

◎個人面談・三者面談

- ・子どもについての生活や学習の相談ができます。面談の日時は前もって手紙が来ます。
- ・中学3年生になると、三者面談で卒業後の進路や高校受験について話します。(→p.12)
- ・通訳が必要な場合は学校に頼みましょう。

◎PTA活動

- ・PTAとは、保護者と先生が協力して子どもたちの生活をよくするための会です。
- ・PTAに参加することで子どもの学校での様子がわかったり、ほかの保護者とも知り合いになれます。

◎スクールカウンセラーなど

- ・子どもの心のケアをおこなう専門のカウンセラーが、毎日ではありませんが、学校にいます。相談したいときは、学校の先生に伝えてください。

★何か心の問題や家庭内の困りごとがあったときは、学校を通して専門機関が対応するときもあります。

9. Dành cho Phụ huynh

★ Hãy nhớ báo với giáo viên chủ nhiệm của trẻ về những nội dung sau:

- Thông tin liên lạc để kết nối (số điện thoại di động, số điện thoại chỗ làm,...)
- Khi thay đổi số điện thoại nhà hoặc số di động, đổi công việc hoặc địa chỉ
- Khi bạn quyết định chuyển nhà hoặc về nước



🕒 Khoản tiền cần thiết đóng cho trường

Học phí và sách giáo khoa ở bậc Trung học cơ sở được miễn phí. Ngoài ra, phụ huynh cần đóng các khoản sau:

Các khoản phí cần đóng trong một năm học (Đóng hàng năm)	Tiền ăn trưa, tài liệu học mua chung tại trường (sách luyện tập, bài tập thực hành,...), đồ dùng học tập, phí hoạt động câu lạc bộ, hội phí PTA, phí dã ngoại, tham quan bên ngoài trường.	Khối lớp có thêm chi phí khác	Chi phí mua đồ dùng cần thiết khi nhập học (chuyên trường), đồng phục, túi đi học, giày...
		Năm 1	
		Năm 3	Chi phí cho chuyến du lịch học tập, Album tốt nghiệp



- Nếu muốn đóng phí bằng hình thức tự động trừ tiền trong tài khoản, cần mở tài khoản tại ngân hàng hoặc điện do trường chỉ định.
- Nếu muốn đóng trực tiếp bằng tiền mặt, phụ huynh sẽ nhận được phong bì thu tiền.
- Nếu gặp khó khăn trong việc đóng các khoản phí, hãy liên hệ với trường.

※ **Chế độ hỗ trợ tài chính cho các khoản chi phí đi học:** Có một hệ thống hỗ trợ tài chính cho phụ huynh gặp khó khăn khi đóng các khoản như phí du lịch học tập, dụng cụ học tập, ... Vui lòng hỏi giáo viên để biết thêm chi tiết.

🕒 Tham quan tiết học · Họp lớp

- Vào những ngày tham quan tiết học, phụ huynh sẽ quan sát tình hình của con trong lớp.
- Buổi họp lớp sẽ được tổ chức sau khi tham quan tiết học. Phụ huynh nghe giáo viên nói chuyện và thảo luận với giáo viên.

🕒 Giáo viên đến thăm nhà

- Giáo viên chủ nhiệm đến nhà học sinh, trao đổi với phụ huynh tình hình của trẻ khi ở trường và ở nhà.
- Thời gian khoảng từ 10 đến 15 phút. Thư liên lạc về ngày giờ giáo viên đến nhà sẽ được gửi từ trước. Một số trường không có hình thức giáo viên đến thăm nhà.

🕒 Họp phụ huynh · Họp 3 bên

- Phụ huynh có thể trao đổi về cuộc sống và học tập của con. Thư liên lạc ngày giờ họp sẽ được gửi từ trước.
- Khi học sinh bước vào năm thứ ba Trung học cơ sở, sẽ có cuộc họp 3 bên để thảo luận về dự định tương lai của học sinh sau khi tốt nghiệp và về kỳ thi tuyển sinh Trung học phổ thông. (→ Trang 12)
- Nếu cần thông dịch viên, hãy nhờ nhà trường chuẩn bị.

🕒 Hoạt động của Hội phụ huynh PTA

- PTA là hiệp hội nơi phụ huynh và giáo viên cùng làm việc để cải thiện cuộc sống sinh hoạt của học sinh.
- Tham gia PTA, phụ huynh hiểu thêm tình hình của con ở trường và có thể làm quen với các phụ huynh khác.

🕒 Tư vấn học đường

- Mỗi trường đều có Chuyên gia tư vấn chăm sóc tâm lý cho trẻ, tuy nhiên không phải ngày nào cũng có mặt ở trường. Khi cần tư vấn, hãy liên hệ với giáo viên trong trường.
- ★ Nếu có bất kỳ vấn đề về tâm lý hoặc khó khăn trong gia đình, các tổ chức chuyên môn có thể hỗ trợ bạn thông qua trường học.

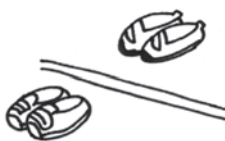
10. 日本にほんの学校がっこうのルール

●学校がっこうのきまり



- ・髪かみの毛けを染そめたり、アクセサリーけしやうや化粧けしやうをしてはいけません。
 - ・学校がっこうにお菓子かしやゲーム、マンガや雑誌ざんしなど、勉強べんきやうに関係かんけいないものいをもって行いってはいけません。
 - ・制服せいふくや決められた体たい着ぎを着きる学校がっこうが多いです。
 - ・学校がっこうのきまりきまり(校則こうそく)は、かならず守まもりましょう。
- ★中ちゆう学校がっこうにはたくさんせんせいのきまりきがあります。先生せんせいに聞きいてください。

●日本にほんの学校がっこうの習慣しゆかん



- ・学校がっこうに着ついたら、くつをぬいで下駄箱げたばこに入いれて、上うわばきをはきます。
- ・体育たいいくのときは、体たい着ぎや水みず着ぎに着きがえます。

●日本にほんの学校がっこうで学ぶことまな



- ・日本にほんの学校がっこうでは、国語こくごや数学すうがく、理科りかなどだけでなく、音楽おんがく、体育たいいく、美術びじゆつなども大切たいせつな教科きやうかです。
- ・また、体育祭たいいくさいや修学旅行しゆうがくりきやうなどの行事ぎやうじも、同じおなように大だい事じな勉強べんきやうです。

●そうじ



- ・自分じぶんたちが使つかう場所ばしよを、みんなきやうりやくで協きやうりやく力りやくしてきれいにすることも、大たいせつ切かつな活かつ動どうのひとつです。
- ・当番とうばんを決きめて、みんなじゆんぱんが順番ゆかで、床ゆかをぞうきんでふいたり、ほうきではいたりします。トイレとイレそうじもします。

●時間じかんを守るまも



- ・日本にほんの社会しやかいでは、時間じかんを守まもることをとて大たいせつ切かつにします。だから学校がっこうでもすごく大たいせつ切かつにしています。
- ・遅刻ちこくはしないように気きをつけましょう。
- ・もし遅おくれそうなときは、必かならず学校がっこうに連れんらく絡らくしましょう。

◎宗教しゆうきやうについて

日本にほんの中ちゆう学校がっこうでは、みんなおなで同じいっしょのものを一た緒きに食たべたり、決きめられた体たい着ぎを着きたりすることがあります。宗教しゆうきやうが理り由ゆうで、食たべ物ものや服ふく装そうなどに心しん配ぱいなことがあるときは、先せん生せいに相そう談だんしてください。

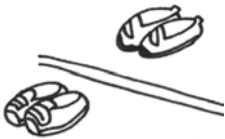
(→ p. 15)

10. Nội quy trường học Nhật Bản



● Nội quy trường học

- Không nhuộm tóc, không đeo trang sức hoặc trang điểm.
- Không mang bất cứ thứ gì không liên quan đến học tập như bánh kẹo hay game đến trường.
- Nhiều trường yêu cầu học sinh phải mặc đồng phục và quần áo thể dục theo quy định.
- Học sinh phải tuân theo nội quy của trường.
- ★ Trường Trung học cơ sở có nhiều quy định. Hãy hỏi giáo viên.



● Thói quen phổ biến trong trường học Nhật Bản

- Sau khi đến trường, học sinh sẽ cởi giày, bỏ vào tủ giày và mang giày đi trong nhà.
- Đến giờ học thể dục, học sinh sẽ thay quần áo thể dục hoặc đồ bơi.



● Nội dung học trong trường Nhật Bản

- Trong các trường học ở Nhật Bản, không chỉ môn Quốc ngữ (Tiếng Nhật), Toán và Khoa học tự nhiên mà Âm nhạc, Thể dục, Mỹ thuật cũng là những môn học quan trọng.
- Ngoài ra, các sự kiện như Đại hội thể thao, du lịch học tập,.. cũng quan trọng tương tự trong học tập.



● Dọn dẹp vệ sinh

- Mọi người phối hợp cùng nhau dọn dẹp sạch sẽ khu vực mình thường sử dụng cũng là một trong những hoạt động quan trọng.

• Học sinh được phân công luân phiên lau sàn bằng khăn lau hoặc dùng chổi để quét.

Các

em cũng dọn dẹp cả nhà vệ sinh.



● Tuân thủ giờ giấc

- Trong xã hội Nhật Bản, việc đúng giờ rất quan trọng. Đó là lý do tại sao điều đó rất được coi trọng trong trường học.

• Hãy chú ý để đừng bị trễ giờ.

• Nếu trẻ có vẻ sẽ trễ học, phụ huynh hãy gọi điện liên lạc trước cho nhà trường.

🍴 Tôn giáo

Ở trường Trung học cơ sở Nhật Bản, mọi học sinh đều ăn cùng một món ăn và mặc quần áo thể dục theo quy định. Nếu phụ huynh lo lắng về trang phục hay thực phẩm vì lý do tôn giáo, vui lòng liên hệ với giáo viên của học sinh. (→Trang 15)

11. 保護者に気をつけてほしいこと

中学生は心に変化が起きる時期で、親子のコミュニケーションの仕方も変わってきます。母国・家庭と学校で言葉や文化が異なっていたり、勉強が難しくなってきたりして、不安になりやすい時期でもあります。できるだけ親子のコミュニケーションを取るようにしましょう。

★話を聞く

学校で困っていること、楽しかったこと、つらかったことなど、ふだんから話を聞いてみると、子どもが学校でどんな風に過ごしているのかがわかります。

子どもも保護者に話を聞いてもらえることで安心できます。また、子どもも何かあったときに話しやすくなります。



★勉強を子ども任せにしない

ふだんから、子どもが勉強についていけているか、気にかけてあげましょう。

毎年4月には、1年間の予定表をもらうので、定期試験の日程を確認しましょう。

そして、特に試験が近くなったら、準備をするように声をかけることが大切です。



★進学を考えるのは1年生から

高校進学について考えるのは3年生になってからでは間に合いません。1年生のうちからいろんな高校の文化祭やオープンキャンパスに参加して、学校の雰囲気を知りましょう。また、進学説明会や高校の学校説明会には、できるだけ親子で参加しましょう。

★親子でコミュニケーションを取るように

親子できちんとコミュニケーションを取るとはとても大切です。小さいときは

親の母語で会話をしている、中学生になると、子どもはどんどん日本語を覚

え、親とのコミュニケーションをとることが難しくなることも多いです。

親の母語でも日本語でも、どちらでもいいので、コミュニケーションが取れるようにしてください。



★通訳のために学校を休ませない

学校に通っている子どもは、親よりも早く日本語がうまくなるかもしれません。でも、家の用事

で、学校を休ませて子どもに通訳を頼むのはやめましょう。授業についていけなくなったり、友だ

ちを作りづらくなってしまいます。

..... もし子どもが学校に行きたくなくなったら

言葉や文化、勉強など新しいところは不安がいっぱいです。学校に行きたくなくなることもあるかもしれません。

まずは、子どもの話を聞いてみましょう。話を聞いてあげることで、保護者が「味方でいてくれる」と子どもは安心できます。

そして気になることがあれば、担任の先生や国際教室の先生、または、相談機関(→p. 15)に相談してみましょう。学校には心理の専門家とお話できる部屋もあります。自治体によっては通訳もつけられます。家族で抱え込まずに、誰かに相談することが大事です。

11. Lưu ý đối với phụ huynh

Bậc Trung học cơ sở là thời điểm thay đổi tâm lý của trẻ, cách giao tiếp giữa cha mẹ và con cái cũng thay đổi. Đây cũng là thời điểm phụ huynh dễ cảm thấy lo lắng vì tiếng mẹ đẻ, sự khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa giữa gia đình và trường học, việc học tập trở nên khó khăn. Hãy cố gắng duy trì việc giao tiếp giữa cha mẹ và con cái trong phạm vi có thể thực hiện được.

★ Lắng nghe con

Thường xuyên lắng nghe con kể về những khó khăn, chuyện vui và những vất vả ở trường, phụ huynh sẽ biết được trẻ trải qua thời gian ở trường như thế nào.

Trẻ cũng cảm thấy an tâm khi được bố mẹ lắng nghe. Ngoài ra, phụ huynh sẽ dễ dàng nhận ra nếu con bạn có biểu hiện lạ.



★ Không để mặc con tự xoay sở với việc học

Thường xuyên để ý xem con có theo kịp việc học hay không. Tháng 4 hàng năm đều nhận được lịch học cho cả năm, vì vậy hãy xác nhận lịch thi định kỳ. Thêm nữa, một việc làm quan trọng là nhắc nhở con chuẩn bị khi kỳ thi đến gần.



★ Suy nghĩ về việc học lên của con từ năm 1

Sau khi con lên năm 3 mới suy nghĩ về việc học lên Trung học phổ thông sẽ không kịp. Ngay từ năm 1 hãy tham gia Lễ hội văn hóa và Open Campus (Mở/Công khai khuôn viên trường) của nhiều trường Trung học phổ thông để tìm hiểu không khí của trường đó. Ngoài ra, phụ huynh cùng con cũng nên tham dự các Buổi hướng dẫn học lên và các Buổi giới thiệu về trường học.

★ Giao tiếp thường xuyên với con

Giao tiếp thường xuyên với con là điều rất quan trọng. Khi còn nhỏ, trẻ thường trò chuyện bằng tiếng mẹ đẻ của cha mẹ nhưng đến khi lên Cấp 2, trẻ ngày càng giỏi tiếng Nhật hơn và việc giao tiếp với cha mẹ thường trở nên khó khăn.

Tiếng mẹ đẻ hoặc tiếng Nhật, tiếng nào cũng được, hãy cố gắng duy trì việc giao tiếp thường xuyên với con.



★ Đừng để con nghỉ học để làm phiên dịch cho cha mẹ

Trẻ có thể cải thiện khả năng tiếng Nhật nhanh hơn phụ huynh vì được đi học. Tuy nhiên, không nên yêu cầu trẻ nghỉ học để làm thông dịch viên vì việc trong gia đình. Nghỉ học nhiều có thể khiến trẻ khó theo kịp bài vở và khó kết bạn ở trường. Nếu trẻ có vẻ sẽ trễ học, phụ huynh hãy gọi điện liên lạc trước cho nhà trường.

..... Nếu trẻ không muốn đi học

Trẻ có nhiều lo lắng trong môi trường có nhiều điều mới như ngôn ngữ, văn hóa và học tập v.v.. Có thể vì vậy mà trẻ không muốn đi học.

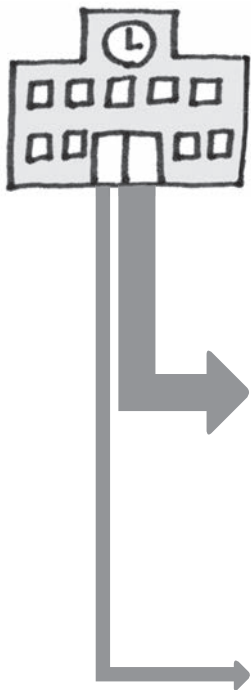
Trước tiên, hãy lắng nghe con. Qua việc được lắng nghe, trẻ sẽ cảm thấy an toàn vì biết “Cha mẹ luôn đứng về phía mình”.

Nếu bạn có bất kỳ thắc mắc nào, vui lòng trao đổi với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên Lớp quốc tế hoặc cơ sở tư vấn (→ Trang 15). Trong trường học có phòng để tư vấn với Chuyên gia tâm lý. Một số chính quyền địa phương có thể hỗ trợ tìm thông dịch viên cho phụ huynh. Điều quan trọng là phải trao đổi tư vấn với ai đó thay vì giữ nó là chuyện trong gia đình.

12. 中学校卒業後の進路について

◎ 中学卒業後について

- ・ 中学校の3年間はあるという間です。中学卒業後の高校進学などについて、1年生のときからしっかり考えることが大切です。
- ・ なぜなら入学試験に合格するには、成績や学力が必要ですので、そのために少しずつ積み重ねていくことが大切だからです。また、高校進学にはお金がかかり、そのためのお金を準備する必要があります。
- ・ 3年生の個人面談は、子どもの学力などを見ながら受験する高校を決める、とても大事な機会です。保護者は必ず出席してください。
- ・ 各家庭によって状況はさまざまですが、現在の状況だけでなく子どもが大人になったときの生活・はたらかき方についても考えながら、進路を考えましょう。



● 進学する

- ・ 日本の中学生の多くは高校等に進学しています(2018年度文科省調べ 98.8%)。
- ・ 高校に入るには、入学試験に合格しなければなりません。日本語で行われる入学試験に合格することは大変ですが、外国人の生徒のための入学試験(→ p. 14)もあります。
- ・ 神奈川県には、日本語の授業などのサポートのある学校もあります。
- ・ お金のことが心配な人には奨学金制度もあります。もし、日本語やお金の心配があっても、あきらめないで、早めに先生や相談機関に相談して、進学先を探しましょう。
- ・ 中学卒業後に専門的な勉強ができる学校(高等専修学校など)があります。卒業資格などがちがうので、注意して選びましょう。
- ・ 中学校で休みが多かったり、学校に通うのが苦手な人に合った学校(サポート校: 私立通信制)もあります。

● 就職する

- ・ 日本では中学校を卒業したら就職できますが、それほど多くありません。すべての企業が雇ってくれるわけではありません。

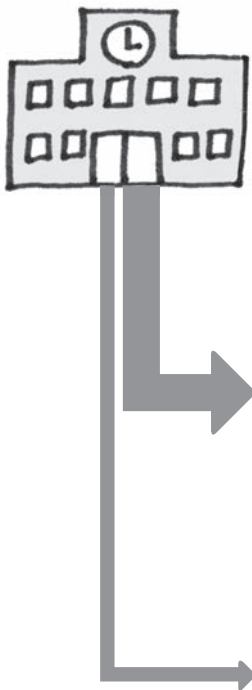
★ 三者面談

- ・ こんなことをします。
保護者が先生に子どもの学校での様子を聞いたり、子どもと一緒に進路について相談します。
- ・ こんなことを聞いてみるといいと思います。
1~2年生: 保護者は子どもについて心配していることを相談します。子どもが1年生のときから、日本の高校のことや進路について聞いてみましょう。勉強の方法を聞くのもいいかもしれません。
3年生: 子どもが受験する高校など、進路先について相談します。受験生になった子どもにどう接するか聞くのもいいかもしれません。受験校の入試方法・学費などについてわからないことを質問します。

12. Lộ trình học sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở

🕒 Sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở

- 3 năm Trung học cơ sở trôi qua trong chớp mắt. Điều quan trọng là ngay từ năm đầu tiên phải suy nghĩ kỹ về việc có tiếp tục học lên Trung học phổ thông sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở hay không.
- Đó là vì để đậu kỳ thi tuyển sinh, học sinh cần có thành tích và học lực tốt, do đó cải thiện từng chút một là điều quan trọng. Ngoài ra, học lên Trung học phổ thông khá tốn kém nên phụ huynh cần chuẩn bị tiền cho việc đó.
- Cuộc họp riêng giữa phụ huynh và giáo viên đối với học sinh năm 3 là cơ hội rất quan trọng để quyết định nộp đơn thi vào trường Trung học phổ thông nào, dựa trên học lực của học sinh. Phụ huynh cần phải tham dự cuộc họp cá nhân này.
- Mỗi gia đình có hoàn cảnh khác nhau, tuy nhiên phụ huynh hãy cân nhắc thật kỹ không chỉ hoàn cảnh hiện tại mà còn cả đến việc con sẽ sống và làm việc như thế nào khi trưởng thành để quyết định lộ trình học tiếp theo.



● Tiếp tục học lên cao

- Phần lớn sinh Trung học cơ sở Nhật Bản tiếp tục học lên Trung học phổ thông (98,8% theo dữ liệu Bộ Giáo dục-Văn hóa-Thể thao-Khoa học và Công nghệ năm 2018).
- Để vào Trung học phổ thông, bắt buộc phải vượt qua kỳ thi tuyển sinh. Mặc dù rất khó để đậu kỳ thi tuyển sinh được tổ chức bằng tiếng Nhật nhưng cũng có kỳ thi tuyển sinh (→Trang 14) dành cho thí sinh người nước ngoài.
- Một số trường ở tỉnh Kanagawa có hình thức hỗ trợ như đưa vào Tiết học tiếng Nhật.
- Có chế độ học bổng đối với những người lo lắng về tiền bạc. Nếu phụ huynh lo lắng về tiếng Nhật hoặc tiền bạc, đừng vội bỏ cuộc, hãy nhanh chóng trao đổi với giáo viên hoặc cơ sở tư vấn để tìm nơi cho con tiếp tục học lên.
- Có những trường nơi học sinh có thể theo chuyên ngành nghề nào đó sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở (chẳng hạn như trường Cao đẳng dạy nghề). Bằng cấp tốt nghiệp sẽ khác nhau, vì vậy hãy lựa chọn cẩn thận.
- Ngoài ra còn có các trường học phù hợp cho những người nghỉ học nhiều hoặc khó có thể đi học ở bậc Trung học cơ sở (Trường hỗ trợ: Trường tư chuyên Đào tạo từ xa).

● Đi làm

- Ở Nhật sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở mọi người có thể đi xin việc làm, tuy nhiên không có nhiều trường hợp như vậy. Không phải công ty nào cũng tuyển dụng người mới tốt nghiệp Trung học cơ sở.

★ Họp 3 bên (Giáo viên – Phụ huynh – Học sinh)

- Nội dung họp thường như sau.

Phụ huynh hỏi giáo viên về tình hình của con ở trường, cùng con trao đổi với giáo viên về lộ trình học lên.

- Nên thử hỏi giáo viên các vấn đề như sau.

Học sinh năm 1 - 2: Phụ huynh trao đổi với giáo viên về bất kỳ sự lo lắng đối với con. Ngay từ khi con chỉ là học sinh năm 1, vẫn có thể hỏi thăm về các trường Trung học phổ thông của Nhật Bản và lộ trình học lên. Hỏi về phương pháp học tập cũng là một ý kiến hay.

Học sinh năm 3: Thảo luận về lộ trình học lên của con, chẳng hạn như trường Trung học phổ thông mà con sẽ tham gia kỳ thi tuyển sinh. Cũng có thể là hỏi giáo viên cách giao tiếp với đứa trẻ sắp tham gia kỳ thi tuyển sinh như thế nào. Hỏi bất kỳ câu hỏi nào về hình thức thi tuyển sinh, học phí, v.v..

13. 高校について

◎ 高校の種類

- ・ 高校には公立高校と私立高校があります。
- ・ 公立高校とは、市や県、国が運営する高校のことです。
- ・ 私立高校の方が公立高校よりもお金がかかります。

高校、高校入試についての情報は、
2019年2月時点のものです。



	全日	定時	通信
通学	毎日通学 1日約6時間の授業	毎日通学 1日約4時間の授業 昼間・昼夜・夜間がある	月に数回通学(スクーリング) 課題の提出・添削で勉強
期間	3年間～	4年間～ 努力次第で3年間	3年間～
特徴	—	授業以外にバイトなどをして、 働きながら学ぶ人も多い	課題は学んだことについて レポートを送り、添削してもらう

◎ 学科

- 【普通科】 中学校の学習を発展させた内容を勉強します。
- 【専門学科】 工業や商業、国際、看護など特定のものを勉強します。
- 【総合学科】 普通科目から専門科目まで、いろいろな科目を勉強します。



◎ 受験料(入試にかかるお金)

- ・ 公立高校 全日: ¥2,200 定時: ¥950
- ・ 私立高校 平均: ¥22,000 (東京・神奈川・千葉・埼玉の平均)

◎ 高校の費用(以下の金額は一例です。学校によって金額はちがいます)

	公立(全日)	公立(定時)	私立
1年目	約30万円	約10万円	約100万円
2年目以降	約21万円	約10万円	約72～88万円
3年間合計	約70万円	約30万円	約250～300万円

※全日制の1年目は制服代などでお金がかかるため、2,3年生より高いです。

※費用には、授業料、教科書代、PTA会費などが含まれます。

★私立高校の補助金について

- ・ 私立でも、国や県の補助金を受けることで、学費を安くすることもできます。
- ・ 家の収入によって、補助金の金額はちがいます。
- ・ 先生に相談してみてください。

13. Trường Trung học phổ thông

🕒 Các loại trường Trung học phổ thông

- Trường Trung học phổ thông (THPT) bao gồm THPT công lập và THPT tư thực.
- THPT công lập là trường do thành phố, tỉnh hoặc quốc gia điều hành.
- THPT tư thực có học phí cao hơn THPT công lập.

Thông tin về THPT, kỳ thi tuyển sinh được cập nhật tại thời điểm tháng 2 năm 2019.



	Hệ toàn thời gian ban ngày	Hệ bán thời gian	Hệ đào tạo từ xa
Ngày đi học	Đi học mỗi ngày Khoảng 6 tiết học / 1 ngày	Đi học mỗi ngày Khoảng 4 tiết học / 1 ngày Có lớp buổi Sáng · Chiều · Tối	Đến trường vài lần/ 1 tháng Học bằng hình thức nộp bài luận · Giáo viên sửa bài
Thời gian học	Khoảng 3 năm	Khoảng 4 năm Có thể là 3 năm tùy thuộc vào sự cố gắng	Khoảng 3 năm
Đặc trưng	—————	Nhiều học sinh vừa đi làm vừa đi học	Đề tài bài luận là nội dung đã học, viết báo cáo nộp cho giáo viên sửa bài

🕒 Chương trình học

- [Chương trình phổ thông]** Nội dung học phát triển thêm kiến thức từ bậc Trung học cơ sở.
- [Chương trình chuyên ngành]** Học các ngành nghề đặc trưng như Công nghiệp, Thương nghiệp, Quốc tế, Y tá,...
- [Chương trình tổng hợp]** Học nhiều chương trình khác nhau từ phổ thông đến chuyên ngành.



🕒 Lệ phí thi (số tiền cần đóng để thi tuyển sinh)

- Trường THPT công lập Hệ toàn thời gian ban ngày: 2,200 yên Hệ bán thời gian: 950 yên
- Trường THPT tư thực Trung bình: 22,000 yên (Tokyo, Kanagawa, Chiba, Saitama)

🕒 Chi phí Trung học phổ thông (Số tiền dưới đây là ví dụ. Số tiền thay đổi tùy theo trường)

	Công lập (Toàn thời gian)	Công lập (Bán thời gian)	Tư thực
Năm 1	Khoảng 30 man yên	Khoảng 10 man yên	Khoảng 100 man yên
Từ năm 2 trở đi	Khoảng 21 man yên	Khoảng 10 man yên	Khoảng 72 - 88 man yên
Tổng 3 năm	Khoảng 70 man yên	Khoảng 10 man yên	Khoảng 250 - 300 man yên

※ Năm đầu tiên của chương trình toàn thời gian đắt hơn năm 2 và năm 3 do chi phí đồng phục, v.v..

※ Chi phí bao gồm học phí, tiền sách giáo khoa, phí PTA, v.v..




★ Tiền trợ cấp cho các trường Trung học phổ thông tư thực

- Cả khi đi học trường tư thực, học sinh vẫn có thể được nhận trợ cấp từ quốc gia và tỉnh, như vậy có thể giảm được chi phí đóng cho nhà trường.
- Số tiền trợ cấp thay đổi tùy theo thu nhập của gia đình.
- Hãy hỏi giáo viên.

14. 高校入試について

◎高校に入るためには

受験で大切なのは、この3つです。

 調査書 (内申書)	 学力検査	 面接
・学校生活の様子 (出席日数、部活動など) を中学校の先生が書いたものです。 ・中学2年と3年の教科の成績の合計。	【全日制】 (5教科) 国語・数学 英語・理科 社会	【定時制】 (3教科) 国語 数学 英語
		・日本語で行います (約10分)。 ・入学したい理由、中学校での勉強やそれ以外の活動について聞かれます。

●中学3年生の受験までのスケジュール

7・8月	9～11月	12月	1月	2月
夏休み前：進路面談 夏休み中：高校説明会に参加	先生と保護者、子どもで相談	受験する高校を決める	願書を提出	受験が始まる

※推薦入試は1月におこなわれます。

●私立高校の受験方法 (例)

- ・推薦入試：中学校が高校に入る推薦をしてくれます。
 - ・一般入試：試験を受けて入ります。
 - ・特待生入試：成績がよかったり、部活動で活躍したりした生徒には、学費が安くなる入試です。
- ★併願…公立高校は基本的に1校しか受けられません。ですから落ちたときのために、私立もすべりどめとして受けることが多いです。

※受験方法は高校によってちがうので、詳しいことは、必ず学校の先生に聞いてください。

◎外国につながる子どもの受験 (神奈川県公立高校)

●「在県外国人等特別募集」

- ・日本に来てから3年未満の外国人生徒を募集する高校があります。(日本の小学校に通ったことがある場合はその期間もあわせて数えます)
- ・県内に13校あります。各校4～20人募集します。
- ・国語・英語・数学の3教科と面接で受験します。

●「一般募集での特別な受験方法」

- ・日本に来てから6年未満の生徒に対し、漢字にふりがなをつけ、時間を1.5倍延長します。面接のとき、わかりやすい言葉でゆっくり話します。
- ・中学校から申請します。




※くわしくは、神奈川県教育委員会+NPO法人多文化共生教育ネットワークかながわが出している、神奈川県の『公立高校入学のためのガイドブック』を見てください。(→p.16)

また、毎年9～10月には、通訳付き(英語・中国語・スペイン語・ポルトガル語など)の高校進学ガイダンスがあります。

14. Kỳ thi tuyển sinh vào trường Trung học phổ thông

🕒 Làm thế nào để vào trường Trung học phổ thông

Có 3 yếu tố quan trọng trong kỳ thi tuyển sinh

 Bảng thành tích học tập (<i>Naishinsho</i>)	 Kiểm tra học lực	 Phỏng vấn
<ul style="list-style-type: none"> · Là bảng đánh giá quá trình học tập của học sinh (số ngày đi học, hoạt động câu lạc bộ,...) được viết bởi giáo viên của trường Trung học cơ sở. · Tổng kết thành tích học tập của năm 2 và 3 bậc Trung học cơ sở. 	<p>[Toàn thời gian] (5 môn) Quốc ngữ Toán Tiếng Anh Khoa học tự nhiên Xã hội</p> <p>[Bán thời gian] (3 môn) Quốc ngữ Toán Tiếng Anh</p>	<ul style="list-style-type: none"> · Phỏng vấn bằng tiếng Nhật (khoảng 10 phút). · Học sinh sẽ được hỏi lý do muốn vào trường này, về việc học tập và những hoạt động khác tại trường Trung học cơ sở.

● Thời khóa biểu cho đến kỳ thi tuyển sinh của học sinh năm 3 bậc Trung học cơ sở

Tháng 7 · 8	Tháng 9 - 11	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2
<p>Trước kỳ nghỉ hè: họp phụ huynh về lộ trình học lên</p> <p>Trong kỳ nghỉ hè: tham gia các buổi giới thiệu của các trường THPT</p>	Họp 3 bên Giáo viên – Phụ huynh – học sinh	Quyết định chọn trường Trung học phổ thông để đăng ký thi tuyển sinh	Nộp đơn dự thi	Bắt đầu thi

※ Kỳ thi dành cho đối tượng là học sinh được tiến cử được tổ chức vào tháng 1.

● Hình thức kỳ thi tuyển sinh của trường Trung học phổ thông tư thục (Ví dụ)

- Kỳ thi dành cho đối tượng là học sinh được tiến cử: các trường Trung học cơ sở sẽ tiến cử học sinh vào trường THPT.
- Kỳ thi tuyển sinh chung: làm bài thi tuyển sinh.
- Kỳ thi tuyển sinh đặc biệt: là kỳ thi tuyển sinh được ưu đãi mức học phí rẻ hơn dành cho những học sinh có thành tích tốt, hoặc tích cực tham gia các hoạt động câu lạc bộ.

★ Đăng ký đồng thời... Về cơ bản, học sinh chỉ có thể đăng ký thi vào một trường Trung học phổ thông công lập. Vì vậy, nhiều học sinh chọn thi vào các trường tư thục được coi là biện pháp phòng ngừa trường hợp không đậu vào trường công.

※ Hình thức thi tuyển sinh khác nhau tùy theo trường Trung học phổ thông, hãy hỏi giáo viên để biết thêm chi tiết.

🕒 Kỳ thi tuyển sinh dành cho học sinh có yếu tố nước ngoài (Trường THPT công lập của Tỉnh Kanagawa)

● 「Kỳ thi tuyển sinh đặc biệt dành cho người nước ngoài cư trú trong tỉnh」

- Có những trường THPT tuyển học sinh người nước ngoài đã ở Nhật Bản dưới 3 năm. (Nếu học sinh đó đã học tại một trường tiểu học ở Nhật Bản, hãy tính cả khoảng thời gian đó.)
- Có 13 trường học trong tỉnh. Mỗi trường tuyển từ 4 đến 20 người.
- Dự thi ba môn: Quốc ngữ · Tiếng Anh · Toán và phỏng vấn.

● 「Hình thức thi đặc biệt trong kỳ thi tuyển sinh chung」

- Đối với những học sinh đã ở Nhật Bản dưới 6 năm, đề thi sẽ thêm phiên âm vào chữ Kanji và kéo dài thời gian thi lên 1,5 lần. Khi thi phỏng vấn, giáo viên sẽ nói chậm bằng từ ngữ dễ hiểu.
- Có thể đăng ký hình thức thi đặc biệt từ cấp Trung học cơ sở.

※ Để biết thêm chi tiết, vui lòng xem “TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN NHẬP HỌC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP – CẤP 3” Tỉnh Kanagawa do Sở Giáo dục Tỉnh Kanagawa và Mạng lưới Giáo dục Cộng sinh Đa văn hóa Kanagawa xuất bản. (→Trang 16)

Ngoài ra, từ tháng 9 đến tháng 10 hàng năm, có các Buổi hướng dẫn tuyển sinh Trung học phổ thông kèm phiên dịch (tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Bồ Đào Nha, v.v..)

15. 相談できる機関 / Cơ sở tư vấn

① 困ったことがあったらまずここに！ / Nếu gặp khó khăn, hãy liên hệ tư vấn ngay

あーすぷらざ / Earth Plaza

▼電話
日本語 Tiếng Nhật 045-896-2970

タガログ語 (火曜日) Tiếng Tagalog (Thứ 3)

ポルトガル語 (水曜日) Tiếng Bồ Đào Nha (Thứ 4) 045-896-2972

中国語 (木・土曜日) Tiếng Trung Quốc (Thứ 3,7)

スペイン語 (金曜日) Tiếng Tây Ban Nha (Thứ 6)

<https://www.earthplaza.jp>

▼住所
横浜市栄区小菅ヶ谷 1-2-1
神奈川県立地球市民かながわプラザ



多言語ナビ / Navegador multilingüe

▼電話
045-316-2770

※多言語で対応 / Hỗ trợ đa ngôn ngữ

<http://www.kif.jp.org/kmlc>

▼住所
横浜市神奈川区鶴屋町 2-24-2
かながわ県民センター 13階



② それ以外にも各地に相談できる場所があります (横浜市・川崎市・大和市・相模原市に住んでいる人の場合)
Các cơ sở tư vấn khác (dành cho người cư trú ở Yokohama, Kawasaki, Yamato, Sagami-hara)

横浜市国際交流協会 (YOKE) / Hiệp hội Giao lưu quốc tế Thành phố Yokohama (YOKE)

045-222-1171

<https://www.yokeweb.com>

横浜市西区みなとみらい 1-1-1
パシフィック横浜 横浜国際協力センター 5F

川崎市国際交流センター / Trung tâm Giao lưu quốc tế Thành phố Kawasaki

044-435-7000 (代)

<https://www.kian.or.jp>

川崎市中原区木月祇園町 2-2

大和市国際化協会 / Hiệp hội Quốc tế hóa Thành phố Yamato

火：英語、ベトナム語 Thứ 3: Tiếng Anh, Tiếng Việt

水：英語、タガログ語 Thứ 4: Tiếng Anh, Tiếng Tagalog

木：英語、中国語 Thứ 5: Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc

金：英語、スペイン語 Thứ 6: Tiếng Anh, Tiếng Tây Ban Nha

046-265-6053

<http://www.yamato-kokusai.or.jp>

大和市深見西 1-3-17 市民活動拠点ベテルギウス北館 1階

さがみはら国際交流ラウンジ / Phòng Giao lưu quốc tế Sagami-hara

042-750-4150

<http://www.sagami-hara-international.jp>

相模原市中央区鹿沼台 1-9-15
プロミティふちのべビル 1階

③ 役に立つページ / Các trang web tham khảo hữu ích

かながわ日本語教室マップ / Các lớp tiếng Nhật ở Kanagawa

<http://www.kif.jp.org/classroom/japanese-list/>

イスラームの子どもたちを理解するために / Tìm hiểu về trẻ em Hồi giáo

http://www.kif.jp.org/wp/wp-content/uploads/2017/04/Islam_001-008.pdf

※ (公財) かながわ国際交流財団が運営するウェブサイトのページ
Trang web trực thuộc Quỹ Giao lưu quốc tế Kanagawa



ようこそ かながわの中学校へ 《ベトナム語版》

Chào mừng đến với trường Trung học cơ sở tại Kanagawa (Bản Tiếng Việt)

発行日：2024年1月31日

発行者：NPO法人ABCジャパン

横浜市鶴見区鶴見中央4-7-15 ラカンパーナキソヤ302

TEL：045-550-3455

制作：NPO法人ABCジャパン

協力：神奈川県教育委員会 教育局支援部 子ども教育支援課

翻訳：ファム ミー リン

イラスト・デザイン：スタジオクッカバラ

